

QUYẾT ĐỊNH

V/v Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do bổ sung danh mục kỹ thuật tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 của UBND tỉnh Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Biên bản thẩm định của Đoàn thẩm định Sở Y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên được lập ngày 09/4/2025; Biên bản cuộc họp ngày 09/4/2025 và đề nghị của Hội đồng tư vấn cấp Chứng chỉ hành nghề Dược và Giấy phép hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh của Sở Y tế tỉnh Phú Yên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Sở Y tế;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do bổ sung 42 danh mục kỹ thuật thực hiện tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên (theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên có trách nhiệm đảm bảo về tổ chức, cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện các Danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt đúng quy định chuyên môn, quy trình kỹ thuật và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các Phòng thuộc Sở Y tế, Thủ trưởng đơn vị có liên quan và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- TT KSBT (đăng trang TTĐT SYT);
- Lưu: VT, NVYD (K).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thanh Tĩnh

Phụ lục:
DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN ĐA
KHOA TỈNH PHÚ YÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2025 của
Sở Y tế tỉnh Phú Yên)

STT (Cột 1)	Mã Kỹ thuật (Cột 2)	Tên chương (Cột 3)	Tên kỹ thuật (Cột 4)
1	1.327	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong điều trị đợt cấp Lupus ban đỏ hệ thống với dịch thay thế albumin 5%
2	1.329	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong điều trị đợt cấp Lupus ban đỏ hệ thống với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh
3	1.338	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain –barré với dịch thay thế albumin 5%
4	1.340	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain –barré với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh
5	1.342	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ với dịch thay thế albumin 5%
6	1.344	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh
7	1.347	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương điều trị ban xuất huyết giảm tiểu cầu huyết khối (TTP) với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh
8	1.348	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương tươi bằng huyết tương tươi đông lạnh trong điều trị suy gan cấp
9	1.359	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay huyết tương trong điều trị viêm tụy cấp do tăng triglyceride
10	2.184	02. NỘI KHOA	Đặt catheter hai nòng có cuff, tạo đường hầm để lọc máu
11	2.589	02. NỘI KHOA	Test lấy da (Prick test) đặc hiệu với vắc xin, huyết thanh
12	2.591	02. NỘI KHOA	Test nội bì nhanh đặc hiệu với vắc xin, huyết thanh
13	18.658	18. ĐIỆN QUANG	Chụp, nong động mạch vành bằng bóng
14	23.6	23. HÓA SINH	Định lượng Aldosteron [Máu]
15	23.13	23. HÓA SINH	Định lượng Anti CCP (anti-cyclic citrullinated peptide antibodies) [Máu]
16	23.37	23. HÓA SINH	Định lượng Carbamazepin [Máu]
17	23.38	23. HÓA SINH	Định lượng Ceruloplasmin [Máu]

STT (Cột 1)	Mã Kỹ thuật (Cột 2)	Tên chương (Cột 3)	Tên kỹ thuật (Cột 4)
18	23.55	23. HÓA SINH	Định lượng 25OH Vitamin D (D3) [Máu]
19	23.79	23. HÓA SINH	Định lượng Gentamicin [Máu]
20	23.109	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ Lipase [Máu]
21	23.120	23. HÓA SINH	Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase) [Máu]
22	23.126	23. HÓA SINH	Định lượng Phenobarbital [Máu]
23	23.127	23. HÓA SINH	Định lượng Phenytoin [Máu]
24	23.144	23. HÓA SINH	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen) [Máu]
25	23.155	23. HÓA SINH	Định lượng Theophylline [Máu]
26	23.167	23. HÓA SINH	Định lượng Valproic Acid [Máu]
27	23.168	23. HÓA SINH	Định lượng Vancomycin [Máu]
28	23.169	23. HÓA SINH	Định lượng Vitamin B12 [Máu]
29	23.175	23. HÓA SINH	Định lượng Amylase [niệu]
30	23.226	23. HÓA SINH	Bổ thể trong huyết thanh
31	23.231	23. HÓA SINH	Định lượng khả năng gắn sắt chưa bão hoà (UIBC) [máu]
32	23.233	23. HÓA SINH	Định lượng khả năng gắn sắt toàn thể (TIBC) [máu]
33	BS_23.264	23. HÓA SINH	Ceton máu mao mạch
34	BS_23.273	23. HÓA SINH	ADA (adenosine deaminase) [dịch não tủy]
35	BS_23.274	23. HÓA SINH	ADA (adenosine deaminase) [dịch chọc dò]
36	BS_23.294	23. HÓA SINH	Tỉ số A/C (albumin/creatinin niệu)
37	BS_23.295	23. HÓA SINH	Xét nghiệm định lượng 1,25 – (OH) ² vitamin D trong máu
38	BS_23.305	23. HÓA SINH	ADA (adenosine deaminase)
39	24.108	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Virus test nhanh
40	24.243	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Influenza virus A, B test nhanh
41	24.126	24. VI SINH – KÝ SINH TRÙNG	HBc IgM miễn dịch tự động
42	24.129	24. VI SINH – KÝ SINH TRÙNG	HBc total miễn dịch tự động